

TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 3 - 2022

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Công Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Tùng

Ông Lê Truyền Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Vĩnh

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2021/TLST-HNGĐ ngày 09/12/2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thúy H, sinh năm 1962; Trú tại: đường Y, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1962; Trú tại: đường Y, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/11/2021, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – bà Lê Thị Thúy H trình bày:*

Bà và ông Võ Văn T kết hôn với nhau từ năm 1988, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung cùng nhà cha mẹ được khoảng một năm thì dọn ra ở riêng. Ban đầu vợ chồng chung sống tại quận S, sau đó dọn về sống chung tại Khu tập thể phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Năm 2004 vợ chồng mua nhà ở chung tại đường T, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đến năm 2015 thì

chuyển về sinh sống tại đường Y, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng cho đến nay. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian đến năm 2008 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Võ Văn T có quan hệ ngoại tình, thường lui tới sống chung với người phụ nữ khác. Từ năm 2014 thì vợ chồng sống ly thân nhưng vì lúc này các con còn nhỏ nên bà cam chịu để nuôi con khôn lớn. Hiện nay vợ chồng không còn quan tâm hay có trách nhiệm với nhau. Tại ngôi nhà đường Y, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng vợ chồng bà phần ai nấy sống, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Văn T.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là Võ Thị Thảo L, sinh ngày 11/01/1989 và Võ Thị Thu N, sinh ngày 20/01/2004. Tại thời điểm làm đơn khởi kiện, con chung Võ Thị Thu N, sinh ngày 20/01/2004 chưa đủ 18 tuổi và đang sống chung với gia đình tại đường Y, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, nguyện vọng của bà sau ly hôn là để lại ngôi nhà này cho ông T và các con sinh sống, bà sẽ dọn ra ở riêng nên bà đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung cho ông Võ Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, bà không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Nay cháu N đã đủ 18 tuổi nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với vấn đề con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là ông Võ Văn T nhưng ông T không có bất kỳ văn bản phản hồi nào và cũng không có mặt tại các phiên họp, hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay. Do đó ông T không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung đúng như bà Hồng trình bày. Đối với mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T, bà H tổ dân phố không biết; Về tài sản chung, nợ chung địa phương không nắm.

Tại bản ghi ý kiến của con chung, cháu Võ Thị Thu N trình bày: *“Mẹ tôi là bà Lê Thị Thúy H có làm đơn xin ly hôn với ba tôi. Thực tế ba mẹ tôi đã ly thân từ năm 2014, ba mẹ tôi thường xuyên xảy ra bất đồng vì vậy mẹ tôi xin ly hôn. Mong tòa án xem xét và chấp nhận cho mẹ tôi được ly hôn”*

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, quá trình giải quyết vụ án đã tổng đạt đầy đủ, hợp lệ văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Bị đơn Võ Văn T đã được thông báo về phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng về tố tụng.

Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Thúy H và ông Võ Văn T đã đến mức trầm trọng, theo trình bày của nguyên đơn và con chung đều thể hiện bà H, ông T đã ly thân từ 2014, hiện vợ chồng không còn quan tâm hay có trách nhiệm gì với nhau. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thúy H, cho bà được ly hôn với ông Võ Văn T. Về con chung, đã đủ 18 tuổi, tài sản chung không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu, yêu cầu của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về các vấn đề của vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là Võ Văn T cư trú tại đường Y, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, gửi đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thúy H và ông Võ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn được một thời gian thì giữa bà H và ông T phát sinh mâu thuẫn, theo như bà H trình bày thì nguyên nhân là do ông T không chung thủy, vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng, đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay không còn quan tâm hay có trách nhiệm gì với nhau. Tại bản trình bày ngày 22/3/2022 cháu Võ Thị Thu N cũng xác nhận đúng nội dung này.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo mời lên hòa giải, động viên vợ chồng về cùng chung sống nhưng ông Võ Văn T vẫn không đến Tòa án và cũng không phản hồi ý kiến của mình để Tòa án xem xét. Điều này thể hiện quan hệ vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, các bên đều không muốn níu kéo, hòa giải để về đoàn tụ cùng nhau. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn.

[2.2] Về con chung: Các con chung giữa bà Lê Thị Thúy H và ông Võ Văn T là Võ Thị Thảo L, sinh ngày 11/01/1989 và Võ Thị Thu Ng, sinh ngày 20/01/2004 đến nay đều đã đủ 18 tuổi, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đề cập xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Trong đơn khởi kiện, đơn trình bày của nguyên đơn thể hiện vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn được thực hiện theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thúy H đối với ông Võ Văn T

* Xử:

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thúy H được ly hôn với ông Võ Văn T;

2. Về con chung: Không đề cập xem xét.

3. Tài sản chung: Không đề cập xem xét.

4. Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nên không đề cập xem xét.

5. Về án phí: Bà Lê Thị Thúy H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà Hồng đã nộp theo biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000551 ngày 09/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (*Bà Hồng đã nộp đủ án phí*)

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- Dương sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- UBND P. Bình Thuận, Q. Hải Châu;
(Đk kết hôn ngày 30/01/1988)
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Công Quốc